

Số: 64 /GP-UBND

Quảng Ngãi, ngày 2 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN (GIA HẠN)

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV	Số: 93.66
ĐẾN	Ngày: 10/10/17
	Chuyên: Căn cứ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 45/GP-UBND ngày 21/09/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc cho phép Công ty TNHH Một thành viên Chiêu Kỳ khai thác đất đồi làm vật liệu san lấp bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ đất san lấp thôn Long Xuân, xã Bình Long, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi;

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản của ngày 01/8/2017 của Công ty TNHH Một thành viên Chiêu Kỳ nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường; đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 4843/STNMT-KS ngày 10/10/2017 và Báo cáo thẩm định hồ sơ số 4842/TĐHS-TNMT ngày 10/10/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản số 45/GP-UBND ngày 21/09/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi cho phép Công ty TNHH Một thành viên Chiêu Kỳ khai thác đất làm vật liệu san lấp tại mỏ đất san lấp thôn Long Xuân, xã Bình Long, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi đến ngày 21/3/2019.

Điều 2. Công ty TNHH Một thành viên Chiêu Kỳ có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Tiếp tục thực hiện khai thác trữ lượng còn lại của Giấy phép khai

thác khoáng sản số 45/GP-UBND ngày 21/09/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

3. Thực hiện đúng các quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản số 45/GP-UBND ngày 21/09/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi. Kết thúc khai thác, thực hiện đóng cửa mỏ, cải tạo phục hồi môi trường theo quy định hiện hành.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép khai thác khoáng sản số 45/GP-UBND ngày 21/09/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Bình Sơn, theo chức năng nhiệm vụ được giao thực hiện việc kiểm tra, giám sát thực hiện các nội dung tại Điều 1, Điều 2 Giấy phép này đối với Công ty TNHH Một thành viên Chiêu Kỳ; trường hợp phát hiện vi phạm thì xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở ngành: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Ngãi; Thủ trưởng các Sở, ngành liên quan; Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn, Chủ tịch UBND xã Bình Long và Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Chiêu Kỳ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Tổng Cục Địa chất và Khoáng sản;
- VPUB: PCVP(NL), CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN(TV513).



Đặng Văn Minh

Phụ lục

RANH GIỚI KHU VỰC TIẾP TỤC KHAI THÁC

(Kèm theo giấy phê duyệt (gia hạn) số 4/GP-UBND
ngày 17/02/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000	
	(Kinh tuyến trực 108, múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
M1	580639.42	1691156.08
M2	580628.56	1691159.68
M3	580595.94	1691118.34
M4	580549.20	1691128.00
M5	580492.58	1691128.55
M6	580505.81	1691188.67
M7	580477.73	1691177.69
M8	580472.65	1691157.73
M9	580428.02	1691158.36
M10	580433.00	1691131.00
M11	580426.87	1691106.63
M12	580455.91	1691088.75
M13	580449.34	1691038.03
M14	580486.00	1691041.00
M15	580521.00	1690982.00
M16	580541.92	1691021.39
M17	580580.42	1691020.58
M18	580587.00	1691051.00
M19	580649.39	1691060.40
M20	580666.00	1691048.00
M21	580686.47	1691057.19
Diện tích: 2,45ha		



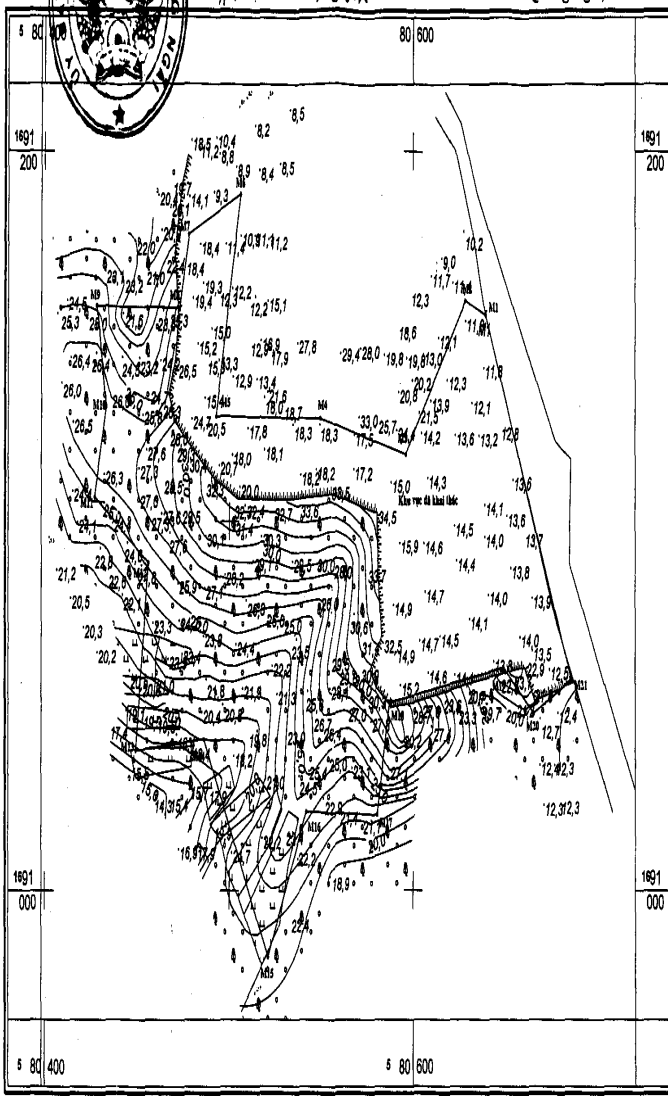
KHU VỰC TIẾP TỤC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

THÔN LONG XUÂN, XÃ BÌNH LONG, HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Khoản 6 Quy định chi tiết số 67/2017/QĐ-UBND, ngày 12/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 108, múi chiếu 3 ⁰	
	X(m)	Y(m)
M1	1.691.156.08	580.639.42
M2	1.691.159.68	580.628.56
M3	1.691.118.34	580.595.94
M4	1.691.128.00	580.549.20
M5	1.691.128.55	580.492.58
M6	1.691.188.67	580.505.81
M7	1.691.177.69	580.477.73
M8	1.691.157.73	580.472.65
M9	1.691.158.36	580.428.02
M10	1.691.131.00	580.433.00
M11	1.691.106.63	580.426.87
M12	1.691.088.75	580.455.91
M13	1.691.038.03	580.449.34
M14	1.691.041.00	580.486.00
M15	1.690.982.00	580.521.00
M16	1.691.021.39	580.541.92
M17	1.691.020.58	580.580.42
M18	1.691.051.00	580.587.00
M19	1.691.060.40	580.649.39
M20	1.691.048.00	580.666.00
M21	1.691.057.19	580.686.47



CHỈ DẪN



Bờ moong khai thác



Đường đồng mức độ cao và cao độ địa hình



Khu vực khai thác (2,45 ha) và điểm góc



Cao độ địa hình



Đường giao thông